

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG QUA TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN THỊ VÂN
Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội

Đặt vấn đề

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, quy định những nguyên tắc cơ bản trong đời sống xã hội và mối quan hệ giữa cá nhân với nhau, giữa cá nhân với xã hội, ở những chế độ xã hội - chính trị khác nhau. Tục ngữ, ca dao là pho sách giáo khoa có giá trị vào bậc nhất về luân lí và đạo đức. Nó tạo nên cái gốc, cái hồn của người Việt và khi tiếp thu được tư tưởng đạo đức của thời đại, con người Việt Nam mới có thể vừa giữ được bản sắc dân tộc vừa hiện đại. Cái đẹp của người Việt Nam chính là sự kết hợp của hai sắc thái đạo đức truyền thống và hiện đại.

Từ xưa, ông cha ta đã đề cao vấn đề giáo dục đạo đức cho các thế hệ con cháu. Để đạo lí làm người thấm nhuần sâu sắc, trở thành lẽ sống của mỗi con người, ông cha ta đã dùng nhiều cách giáo dục con cháu ngay từ lúc ấu thơ và tuổi già vẫn tự răn mình. Giáo dục đạo đức đã định hướng cho hoạt động của con người về mặt thế giới quan, phương pháp luận và nhân sinh quan. Vũ khí sắc bén và tinh tế có đủ sức chuyển tải tư tưởng cao đẹp, nhân văn chính là tục ngữ, ca dao, dân ca.

1. Tục ngữ, ca dao, dân ca giáo dục con người về đức tính khiêm tốn

"Bảy mươi chưa đui chưa què, chớ khoe rằng tốt" [1, tr.28]. Câu triết luận nhân sinh này khiến tất cả những ai có suy nghĩ về cuộc sống đều phải lưu tâm. Đến nay, xét trên phạm vi toàn thế giới, mỗi quốc gia, dân tộc đều nhận thấy người ở tuổi bảy mươi là bậc sống lâu, từng trải. Thông qua thực tế và quá trình triết lí về vấn đề này, tác giả tục ngữ muốn khẳng định và giáo dục đức khiêm tốn cho các thế hệ hiện tại và tương lai của dân tộc ta. Nội dung câu triết luận này khuyên răn, chỉ giáo con người không nên chủ quan, tự mãn, tự đánh giá cao về mình, mà luôn phải thận trọng, khiêm tốn. Những câu tục ngữ, chẳng hạn "Ông bảy mươi học ông bảy mốt", hoặc "Học thầy không tày học bạn" [1, tr.128; 85], "không thầy đố mày làm nên". Qua đó, có thể thấy dân tộc ta vốn có đức khiêm tốn, đúng mực. Những vị cao niên vẫn cảm thấy kiến thức của mình thiếu hụt, cần được bổ túc bằng phương thức học tập: Người trẻ hơn (bảy mươi) học người già hơn (bảy mốt), người già học người cao tuổi hơn. Thế hệ trẻ nói riêng, nhân dân ta nói chung đã nhận ra rằng, cần phải học tập không chỉ bằng một con đường, một phương thức.

Đồng môn, đồng tuổi học thầy và không quên học tập lẫn nhau nữa.

Câu tục ngữ "Con hơn cha là nhà có phúc" [1, tr.53] ngoài sự khái quát, diễn tả niềm vui, tự hào của bậc cha ông về sự thành đạt, tiến bộ của con cháu trong gia đình, dòng họ còn hàm ý người lớn tuổi và người già nói chung phải có sự khiêm tốn, nên học tập cả thế hệ trẻ. "Hậu sinh khả úy" [1, tr.84] là mệnh đề chứng tỏ tác giả tục ngữ Việt Nam cũng như cha ông ta rất quý trọng, khâm phục lớp trẻ khi thấy họ đã bộc lộ tài năng. Tính khách quan của sự thể hiện nhận xét, ý tưởng trên lại giúp cho độc giả và người nghiên cứu rút ra được kết luận không mang tính vô đoán như sau: Những bậc cha ông của dân tộc ta không chỉ ngợi ca, mà còn biết học tập ở lớp trẻ, lớp cháu con của mình.

Các tác giả tục ngữ Việt Nam còn diễn đạt triết lí giáo dục con người đức tính khiêm tốn bằng nhiều câu triết luận độc đáo: "Vầng sao hôm có sao mai", "Vầng trăng có sao, vầng đèn có lí" [1, tr.164], v.v... Những câu tục ngữ này mang nhiều ý nghĩa, nhưng ở đây chỉ xét về giá trị giáo dục thì con người cần phải nhận thức được đúng vị trí, tác dụng của mình trong xã hội và trước tập thể. Mỗi con người cụ thể là một cá nhân nhỏ bé sống trong những mối quan hệ ràng buộc và đều có thể được thay bằng nhân vật khác, bởi vậy phải khiêm tốn, không ngạo nhận về vai trò quan trọng của mình. Trong cuộc sống đời thường, một số người luôn tỏ ra có sự khác biệt, tự huỷ hoại, tự nhận định mình là tài, giỏi, ai đó phải cần đến mình, vầng mình thì ở một nơi nào đấy sẽ thiếu hụt, mất mát, tổn thất lớn đến mức không thể thay thế được. Đó là sự ngộ nhận về khả năng tiềm ẩn trong con người mình và thiếu đức tính khiêm tốn. Mộng tưởng về bản thân mà không dựa trên cơ sở hiện thực thì sớm muộn sẽ dẫn đến vô vọng và tan vỡ là điều không tránh khỏi.

2. Tục ngữ, ca dao, dân ca giáo dục con người về tinh thần, tấm lòng và hành động vị tha

Một biểu hiện của tinh thần, tấm lòng vị tha là cứu giúp người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Những câu tục ngữ sau làm lay động tâm hồn tất cả những độc giả có lương tri: "Cứu nhất nhân đắc vạn phúc", "Cứu được một người, phúc bằng hà sa", "Đầu xây chín bậc phù đờ, không bằng làm phúc cứu cho một người" [1, tr.60; 62]. Đây là sự mô phỏng giáo lí

của đạo Phật, nhưng vẫn mang giá trị kêu gọi, tác động về mặt tinh thần, đạo đức tới người lĩnh hội. Tác giả thể hiện một cách thuyết phục: Xây chín bậc tháp thờ Phật (phù đồ) rất công phu hết nhiều tiền của là việc làm tôn nghiêm, đáp ứng nhu cầu tâm linh của đông đảo Phật tử, nhưng nó có phần xa rời cuộc sống thiết thực hàng ngày, không bằng cứu một con người cụ thể lúc gặp nguy khốn. Hành động vị tha, giúp những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn tồn tại trong cuộc sống sẽ mang ý nghĩa lớn hơn việc tạo lập nơi thờ Phật. Vì vậy, có thể nói, giáo dục tinh thần, tấm lòng và hành động vị tha trong những câu tục ngữ nói trên đã khẳng định giá trị đạo đức, tinh thần cao quý của con người. Đây cũng chính là một trong những khía cạnh cốt tử làm nên sức sống của tục ngữ Việt Nam.

Một biểu hiện khác chứng tỏ tác giả tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam quan tâm giáo dục tấm lòng và hành động vị tha là *kêu gọi, làm thức dậy tình yêu thương* của những con người cùng nguồn cội. Chẳng hạn, câu tục ngữ "*Khôn ngoan đá đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*" [1, tr.90]. Hay bài ca dao "*Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng/ Bấu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*" [2, tr.80] đã diễn đạt một cách đầy hình ảnh và màu sắc về tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau của những người có chung Tổ quốc, quê hương. Nhiều điều là thứ vãi tơi, mặt nổi cát, màu đỏ hồng được phủ lên gương lóng trong khung đặt trên bàn thờ trang trọng. Nhiều điều che bụi bặm cho gương được trong. Gương trong sáng làm cho nhiều hồng thêm rực rỡ. Gương đặt trên giá. Gương thêm đẹp nhờ giá đỡ và nhiều phủ. Giá gương và nhiều điều tạo nên hình ảnh đẹp, màu sắc tươi sáng, trong và gắn bó chặt chẽ, nương tựa vào nhau, bảo vệ cho nhau, cùng làm tăng vẻ đẹp và giá trị của mỗi đồ vật tại nơi thờ phụng mang nhiều ý nghĩa đạo đức. Miêu tả nhiều điều phủ trên gương lóng trong giá như thế, tác giả bài ca dao liên tưởng, nhắc nhở, kêu gọi những người trong cùng một nước, từ cùng một gốc mà ra thì phải thương yêu, đùm bọc nhau, tạo nên sự cố kết bền chặt.

Còn có thể tìm thấy trong kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam những câu triết luận nhằm giáo dục tinh thần, tấm lòng và hành động vì sự nghiệp chung của con người: "*Trong vũ trụ nam nhi là phận sự/ Đứng làm giai nấy chí kinh luân/ Trên vì nước dưới vì dân/ Nên nổi phải xuất thân mà gánh vác/ Có sự nghiệp đứng cùng đất nước/ Không công danh nát với cỏ cây*" [5, tr.338]. Tác phẩm này nhấn mạnh trách nhiệm, nghĩa vụ, lí tưởng chính trị - xã hội của các chàng trai trẻ. Theo khúc hát dân ca, đã là

nam nhi thì phải tham gia hoạt động chính trị, đảm nhiệm những công việc trọng đại vì dân, vì nước, vì sự nghiệp chung để không phải hổ thẹn bởi không hoàn thành được nhiệm vụ có ý nghĩa lớn.

3. Tục ngữ, ca dao, dân ca giáo dục con người về phẩm chất chân thật, nghĩa tình, chung thủy

Phẩm chất chân thật, nghĩa tình, chung thủy được các tác giả tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam rất chú ý, quan tâm giáo dục.

Trong kho tàng sáng tác dân gian có khá nhiều câu tục ngữ, ca dao, dân ca mang nội dung *giáo dục phẩm chất chân thật* cho con người trong lao động cũng như ở đời sống xã hội nói chung: "*Ăn mặn nói ngay, hơn ăn chay nói dối*", "*Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành*", "*Tu thân rồi mới tể gia, lòng ngay nói thật gian tà mặc ai*", "*Của phi nghĩa có giàu đâu/ Ở cho ngay thật, giàu sau mới bền*" [1, tr.23; 161; 732], v.v... Đó là những triết lí về giáo dục cách nói năng, ăn ở sao cho chân thật của con người. Sáng tác dân gian của dân tộc có rất nhiều bài hát mang nội dung, ý nghĩa giáo dục giống như các câu tục ngữ trên. "*Chúng tôi chẻ nửa đạn dân/ Nói thật người gần, nói dối người xa*" [5, tr.135] là câu dân ca khẳng định giá trị, phẩm chất chân thật và phủ định cách nói sai sự thật, dối trá được đúc kết trong lao động và cuộc sống xã hội. Dân ca Thanh Hóa có câu "*Đã thế phải giữ lời thề/ Đừng như con khách tứ bề hót vang*" [5, tr.584] thì phần đầu là lời nhắc nhở, giáo dục con người phải chú ý, chân thật trong nói năng, thề nguyện; còn phần sau là sự cảnh báo, ngăn chặn mỗi cá nhân đừng quên lời thề để rồi muốn nói đồng, tây, nam, bắc như thế nào cũng được. Cần tránh những lời thề suông: "*Thề, cá trê chui ống*". Suy ngầm những triết lí dân gian trên, có thể thấm thía sâu sa việc con người cần phải nói năng, phát ngôn trung thực, chân thành và có trách nhiệm với lời nói, với điều đã thề, lời đã hứa. "*Nói lời phải giữ lấy lời/ Đừng như con bướm đậu rồi lại bay*". Chúng ta thấy, nói thật được nhiều người đồng cảm, còn dễ quên đi những gì mình đã thề thốt và nói năng tùy tiện, xuyên tạc sự thật thì dễ đánh mất đi niềm tin từ quần chúng. Mất niềm tin là mất tất cả.

Nhiều tác giả ca dao, dân ca Việt Nam đã có ý thức nhấn mạnh, giáo dục phẩm chất chân thật trong quan hệ tình yêu nam nữ. Theo họ, cả hai giới trẻ đều phải thẳng thắn, không được giả tạo trong quan hệ tình yêu đôi lứa. Câu ca dao "*Anh thương em, nói thiệt em nhờ/ Anh đừng nói gạt, em chờ hết duyên*" [1, tr.181] là lời của một cô gái cầu mong và đòi hỏi ở người yêu của mình không phải tiền của nhiều, địa vị cao sang, mà là sự chân thật cùng với việc loại bỏ cái dối lập với đức tính quý báu đó. Bài dân ca sau đây được hát nhiều ở xứ Nghệ, Nam

Trung bộ và Bình Trị Thiên: “*Đã thương thì thương cho chắc/ Đã trọc trặc thì trọc trặc cho luôn/ Đừng như con thỏ đứng đầu truông/ Khi vui thì giỡn bóng khi buồn thì bỏ đi*” [5, tr.685]. Nó đã để lại ấn tượng sâu sắc về cả ý và lời trong tâm trí độc giả, người nghe. Tại đây diễn đạt rất rõ ý tưởng, nội dung: Phải chân thật, thẳng thắn trong quan hệ tình yêu nam nữ. Không chỉ phải đẹp có thiên chức làm vợ, làm mẹ, lo cho chồng con, thương chồng con mới đòi hỏi phẩm chất đang bàn luận tại đây trong tình yêu đôi lứa, mà ngay cả những chàng trai cũng bộc lộ nhu cầu đó. Nhận xét này có thể được làm sáng tỏ bằng đoạn ca dao: “*Anh đây thật khó không giàu/ Có lời nói trước kẻo sau phàn nàn/ Khó khăn ta kiếm ta ăn/ Giàu người cửa ván ngõ ngăn mặc người/ Khó khăn đắp đổi lẫn hồi/ Giàu người đã dễ đứng ngôi mà ăn*” [1, tr.214]. Chàng trai khẳng định: “*Cây oản vì bởi tại hoa/ Thương em vì bởi nét na nghĩa tình/ Thương em thương dạng thương hình/ Thương lời ăn tiếng nói nhiệt tình không đãi bởi*” [2]. Thông qua việc xây dựng nhân vật trữ tình nam thanh niên, tác giả bài ca dao đã mô tả một tấm gương để giáo dục con người nói chung, lớp trẻ nói riêng phải chân thành, nói đúng sự thật, cho dù đó là điều khốn khó, tàn nhẫn, chúng ta không mong muốn.

Sống có nhân nghĩa là một chủ đề, một phẩm chất đạo đức được bàn luận khá nhiều nhằm giáo dục mọi thành viên của xã hội trong các tác phẩm tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. “*Thiên trường địa cửu lâu dài/ Chàng về có nhớ nghĩa người hay không?*” [1, tr.661]. Câu ca dao có hình thức thể hiện dưới dạng câu hỏi của một cô gái, thực chất là để khẳng định, giáo dục con người cần có nhân nghĩa, tức là lòng yêu thương và đối xử với nhau theo lẽ phải. Khúc ca dao sau ghi lại lời của một chàng trai nói mình không quên tình nghĩa đồng thời nhắn gửi, nhắc nhở ý trung nhân sống và hành động không đánh mất phẩm chất đạo đức đó: “*Gọi là gặp gỡ giữa đường/ Trăm năm nhớ mãi nghĩa nường nường ơi/ Nường đừng bướm là ong lời/ Tham phường lắm của, phụ người khó khăn*” [1, tr.449]. Khi sáng tác bài dân ca “*Chàng ơi thiếp có lỗi lắm/ Xin chàng đóng cửa âm thầm dạy nhau*” [5, tr.683], nghệ sĩ - tác giả bình dân không phải là vô tình, mà rất có ý thức khẳng định phẩm chất nghĩa tình cùng với tấm lòng độ lượng, bao dung của con người sẽ có tác dụng tích cực, cải hóa và làm cho thực tại cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Tính giáo dục đạo đức rõ ràng đã hàm chứa trong bài dân ca đó. Cuộc sống xã hội và gia đình cho thấy, có khi chỉ vì lỗi lầm chẳng mấy hệ trọng, nhưng bởi còn thiếu, hoặc chưa chú trọng đúng mức cách sống nghĩa tình sâu nặng, nên đã dẫn đến những cuộc chia tay, sự đổ vỡ của không ít cặp vợ chồng. Hậu quả sau đó thật khó khắc phục,

thậm chí không thể lấy gì bù đắp được trong suốt phần đời còn lại của ai đó; nhiều khi sự việc như vậy là hiện thân tẩm bi kịch của chính tác giả. Nếu đã từng tai nghe, mắt thấy nhiều thực tế cuộc sống rất phũ phàng, thì chắc hẳn không một người nào sống nội tâm, có lòng thương yêu lại không suy nghĩ và được cảm hóa bởi tính giáo dục phẩm chất đạo đức sống có tình nghĩa trong câu dân ca trên.

Trong quan hệ tình yêu, hôn nhân, thì chung thủy là một phẩm chất đạo đức được nhiều tác giả chú trọng luận bàn mang tính giáo dục trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Theo những tác giả bình dân là đối tượng nghiên cứu ở đây thì trong tình yêu hôn nhân phải thủy chung, gắn bó với nhau cho trọn vẹn, hết đời, còn nếu không, sẽ là điều xấu, hơn nữa, còn mắc trọng tội. “*Đổi quần đổi áo thời hay, đổi chồng đổi vợ xưa nay chẳng lành*” [1, tr.70]. “*Lên chùa tháo ván nhỏ đình/ Đốt chùa không tội bằng mình bỏ ta*” [5, tr.693]. Tư tưởng, triết lí nhân sinh này là sự phản ánh đúng đắn đời sống xã hội cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Chúng ta đã, đang và còn thực thi chính sách hôn nhân tiến bộ một vợ một chồng. Giữ gìn và giáo dục phẩm chất chung thủy ấy như thế nào? Tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam lập luận và chỉ dẫn tiếp: “*Chưa chồng đi dọc đi ngang, có chồng cứ thẳng một đường mà đi*” [1, tr.47]. “*Anh Ba yêu đến tôi chẳng?/ Gió đưa trăng là trăng đưa gió/ Thung thăng cá vượt qua đặng/ Xin đừng lắm chốn nhiều nơi nhớ chàng*” [5, tr.35]. Ở đây, tác giả muốn nhấn mạnh, để có phẩm chất chung thủy thì cả những thiếu nữ và các chàng trai đều chỉ có thể nhớ đến, chỉ dành tình cảm, yêu thương của mình cho một đối tượng, đó là người yêu, người bạn đời của mình. Điều ấy chứng tỏ, khi bàn luận, giáo dục phẩm chất chung thủy, những người sáng tác tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam đã đồng quan điểm với tác giả của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Ph.Ăngghen từng nhấn mạnh trong một công trình nghiên cứu rất công phu, đồ sộ của ông, quyển *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của Nhà nước*, rằng: “*Bản chất của tình yêu nam nữ là không thể chia sẻ được*” [4, tr.127].

Chính vì vậy, khi nhấn mạnh và giáo dục phẩm chất đạo đức về chung thủy trong quan hệ tình yêu, hôn nhân, tác giả dân gian Việt Nam đã để lại cho chúng ta những tác phẩm tuy ngắn gọn về số chữ, nhưng bất hủ về nội dung, tư tưởng, có giá trị trường cửu. Tác giả dân ca Thanh Hóa, dân ca Bình Trị Thiên đã nhắc nhở những người phụ nữ Việt Nam phải cảnh giác với tác động từ ngoại cảnh và không đi theo dấu chân của ai đó đã trở thành tấm gương phản diện: “*Có chồng thủ phận thủ duyên/ Trăm con bướm đậu cửa quuyền xin lui*” [5, tr.847]. Ở đây, tác giả

bài dân ca khuyên bảo những phụ nữ trẻ có chồng hây bằng lòng với chức vị duyên phận của mình, không nên đòi hỏi gì hơn và còn phải biết khước từ những cám dỗ, hấp dẫn bằng tiền tài, địa vị, quyền lực, v.v...

"Đá vàng đây giữ một màu/ Lòng son xin đỏ lâu
lâu chớ phai/Đừng như cô gái Chương Đài/ Trớ trêu bề
liễu tặng ai vội vàng" [5, tr.584]. Trong tiếng Việt, hai chữ "đá vàng" được dùng để nói lên tấm lòng trung thành, thủy chung, tình yêu bền vững của người vợ dành tất cả cho chồng. Tác giả dân gian Việt Nam muốn lưu ý, giáo dục chị em phụ nữ phải có đạo đức thủy chung, trước sau như một. Cảnh báo những phụ nữ trẻ Việt Nam đừng như cô Liễu ở Chương Đài, một phần vì tác động của khách quan, một phần bởi đức độ của mình chỉ đến một chừng mức nhất định nên đã dâng tặng cái lẽ ra không thể dâng tặng cho kẻ khác chồng mình, vì thế không còn là người chung thủy với chồng. Hàn Hoành Hủ là một chàng trai nghèo nhưng rất nổi danh vì tài năng của mình. Chàng kết duyên với người con gái họ Liễu có sắc đẹp thật quyến rũ ở Chương Đài (Trường An, Trung Quốc) nhưng là một kĩ nữ. Thế rồi vì việc lớn, Hàn Hoành Hủ phải đi xa, để vợ là nàng Liễu ở lại Chương Đài, kinh đô Trường An. Vì chiến tranh nên suốt năm năm liền Hàn Hoành Hủ không về được. Mãi đến khi đất nước tạm yên, Hàn Hoành Hủ mới trở lại được kinh đô tìm về phố Chương Đài nhưng không gặp được vợ. Nàng Liễu đã chấp nhận đi theo làm vợ lẽ một võ quan trong triều Đường [6, tr.125-126]. Nàng Liễu trong giai thoại này không phải là tấm gương sáng, chính diện cho chị em phụ nữ học tập, hơn thế, còn là đối tượng bị phủ định, phê phán, chỉ trích mạnh mẽ.

Kết luận

Qua những câu tục ngữ, ca dao xưa chúng ta thấy toát lên những triết lí đạo đức và cách giáo dục đạo đức thật sâu sắc, có sức thuyết phục. Đó là những quan niệm của cha ông ta về cái thiện, cái ác, về nghĩa vụ, về lương tâm, lẽ sống... và cả những nguyên tắc đạo đức như chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo... Tất cả những triết lí ấy đều được thể hiện một cách rất riêng, rất độc đáo, gắn gũi với những người dân chân lấm tay bùn. Nó giống như một làn gió mát hòa quyện cùng hương lúa đồng quê. Tục ngữ, ca dao dân ca luôn mang theo trong nó những lời răn dạy, những tình cảm thiết tha chí nghĩa, chí tình, tạo nên nét tinh tế đầy trí tuệ của con người Việt Nam. Đồng thời thông qua những câu tục ngữ, ca dao chúng ta còn tìm thấy ở đó những tiêu chí để kiểm định nhân cách, phẩm chất con người, giúp cho con người ngày càng hoàn thiện hơn. Tuy vậy, do hoàn cảnh lịch sử tục ngữ, ca dao

cổ nói riêng và văn chương truyền miệng nói chung không tránh khỏi những hạn chế về thể giới quan và nhân sinh quan. Vì nó là sản phẩm của lịch sử nên có những hạn chế mang tính lịch sử. Ăngghen đã khẳng định: "Con người dù tự giác hay không tự giác rút cuộc đều rút ra những quan niệm đạo đức của mình từ những quan hệ thực tiễn đang làm cơ sở cho vị trí giai cấp của mình, tức là những quan hệ kinh tế trong đó người ta sản xuất và trao đổi... Xét cho đến cùng mọi học thuyết về đạo đức đã có từ trước tới nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế của xã hội lúc bấy giờ" [23]. Ngày nay, chúng ta cần gạt đục khơi trong, ôn cố tri tân, nối mạch ngầm kim cổ để xây dựng một nền đạo đức Việt Nam vừa đậm đà bản sắc dân tộc vừa văn minh hiện đại. Đạo đức không phải chỉ có giá trị trên những ngôn từ trừu tượng mà thực sự có sức mạnh trong đời sống xã hội. Do đó, giáo dục đạo đức truyền thống thông qua ca dao, tục ngữ, dân ca càng không thể lãng quên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An, Nguyễn Thị Huế (2001), *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập IV, quyển 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Bình giảng thơ ca - truyện dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. C.Mác, Ăngghen toàn tập (1995), tập 20, NXB Chính trị quốc gia.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Sông Thao, Đặng Văn Lung (2001), *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập IV, quyển 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Mai Thục, Đỗ Đức Hiếu (2001), *Diễn tích văn học*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

SUMMARY

Since the old days, our people have regarded proverbs and folk-songs as rules, customs, orders and disciplines which appreciate the good and the beauty while criticizing the bad and cruelty to orientate the community actions. The ethnical norms have been described truthfully and drawn from the life of composers themselves. They are as close as our people's breath and thoughts. The old proverbs and folk-songs have been deeply penetrated into Vietnamese people's minds. Through this process, our ancestors have educated ethics for their descendants in an easy-to-understand and memorizable manner. The paper is focused on presenting the following: proverbs and folk-songs that educate human beings of modesty personality; altruistic thinking and actions; and honesty, loyalty and compassion.